

Bản án số: 417/2024/HS-PT

Ngày 29-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tưu

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức xét xử phúc thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số 80/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Đặng Văn S cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 357/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thanh C, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974 tại huyện L, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Lê Thu T1 và 02 người con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2011); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 6 năm 2022, đến ngày 01 tháng 9 năm 2022 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay (có mặt);

2. Huỳnh S1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974 tại thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm

vườn; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh H (chết) và bà Ong Ngọc H1 (chết); có vợ là Trần Ngọc R và 01 người con (sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 6 năm 2022, đến ngày 18 tháng 01 năm 2023 cho bảo lãnh tại ngoại đến nay (có mặt);

3. Nguyễn Tân C1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1969 tại huyện L, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ1 (chết) và bà Cao Thị P (chết); có vợ là Lại Thị Út E và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Ngoài ra, trong vụ án này còn có các bị cáo Đặng Văn S, Phan Hồng P1; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Đặng Văn S thấy gần nhà mình có cửa hàng Điện máy xanh, Thế giới di động thường ký hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh về hàng hóa mua hàng trả góp với các Công ty T10 (viết tắt: HOME CREDIT) và Công ty T10 (viết tắt: FE CREDIT). Sang biết thủ tục mua hàng trả góp giữa các cửa hàng với các Công ty T10 và FE Credit rất đơn giản, người mua chỉ cần cung cấp Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, sổ hộ khẩu, bằng lái xe và số điện thoại của người thân, sau đó đến chụp ảnh chân dung là có thể làm hồ sơ vay tiền mua hàng trả góp mà không phải ký vào bất kỳ giấy tờ gì, nhân viên bán hàng trả góp thường không kiểm tra các thông tin cá nhân của khách hàng; khi mua khách hàng chỉ phải trả trước 20% - 30% giá trị sản phẩm. Do đó, S đã nảy sinh ý định tìm người đứng tên hợp đồng vay để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Khoảng tháng 12 năm 2021, S thỏa thuận với Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1 và Nguyễn Thị B đưa ra các thông tin gian dối để lôi kéo người dân đem chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân đến các cửa hàng Điện máy xanh và Thế giới di động để làm hồ sơ như “*Có chương trình hỗ trợ làm hồ sơ mua sản phẩm mà không cần trả lại tiền gốc, tiền lãi; làm hồ sơ mua hàng không lấy sản phẩm chỉ lấy tiền không cần trả lại hay có nguồn vốn nước ngoài hỗ trợ dịch Covid-19, hỗ trợ người nghèo...*”. Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1 và Nguyễn Thị B có nhiệm vụ tìm kiếm người dân đưa đến gặp S, S sẽ trực tiếp lấy thông tin cá nhân của người dân do C, S1 và B dẫn đến để S làm hồ sơ mua (nhận) sản phẩm.

Để thuận lợi cho việc tiêu thụ, S yêu cầu người dân phải trả lời với nhân viên cửa hàng lựa chọn sản phẩm là các loại điện thoại di động đắt tiền. S biết mỗi hồ sơ sẽ cần có số điện thoại người đứng tên hồ sơ vay và 02 số điện thoại tham chiếu người thân của người đứng tên hồ sơ vay nên đã chuẩn bị sẵn các sim rác rồi hướng dẫn người dân gắn vào điện thoại của họ, trường hợp người dân không có điện thoại S sẽ cho mượn và S cũng gắn số điện thoại sim rác vào điện thoại của mình để phòng trường hợp nhân viên gọi kiểm tra khi thẩm định hồ sơ. S dùng mảnh giấy nhỏ (dạng giấy tập học sinh) để ghi các thông tin cá nhân của người đứng tên hồ sơ vay như nghề nghiệp, mức thu nhập... Tuy nhiên, các thông tin trên S đều ghi sai thực tế nhằm mục đích để hồ sơ thuận lợi được giải ngân. Sau đó, S đưa các mảnh giấy trên cho người dân giữ, khi nhân viên công ty tài chính kiểm tra thì khai theo thông tin đó, mục đích để các hồ sơ vay tiền được phê duyệt. Khi nhân viên Công ty T10 thông báo hợp đồng được duyệt thì S thanh toán số tiền trả trước cho cửa hàng từ 30% - 40% (tùy từng giá trị sản phẩm) rồi lấy điện thoại mang về bán cho các cửa hàng điện thoại di động với giá chênh lệch từ 60%-70% giá trị tại cửa hàng. Khi hoàn thành thủ tục và nhận sản phẩm, S lấy lại điện thoại đã cho người dân mượn và trực tiếp hoặc hướng dẫn người dân bỏ các sim có số điện thoại đã cung cấp cho nhân viên Công ty tài chính trước đó, nhằm mục đích để Công ty tài chính không liên hệ được. Sau khi lấy được sản phẩm, S trả cho người dân đứng tên hợp đồng với số tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng (tùy vào giá trị của sản phẩm) sau khi đã trừ tiền sim rác mà S cung cấp; trả tiền môi giới cho C, S1 và B 1.000.000 đồng/người/hồ sơ.

Để có nguồn người dân dẫn đưa đến gặp S làm hồ sơ như bàn bạc, Nguyễn Thanh C và Huỳnh S1 đã liên hệ, thỏa thuận với Nguyễn Tân C1, C và S1 cũng hướng dẫn cho C1 đưa các thông tin gian dối về các chương trình hỗ trợ Covid 19, hỗ trợ người nghèo, làm hồ sơ nhận tiền không cần trả,... để người dân tin tưởng và cùng C1 đi đến gặp C và S1 để C, S1 dẫn đến gặp S làm hồ sơ vay tiền với thủ đoạn như đã nêu trên. Hành vi cụ thể như sau:

Đối với Nguyễn Tân C1, Nguyễn Thanh C và Huỳnh S1: C1, C và S1 biết rõ việc đưa người đi để nhận tiền hỗ trợ dịch Covid-19 hay làm hồ sơ vay tiền của các công ty tài chính mua sản phẩm mà không cần trả lại tiền gốc, tiền lãi là không đúng sự thật, nhưng để nhận được tiền môi giới nên từ ngày 03 tháng 12 năm 2021 đến ngày 06 tháng 12 năm 2021, C1 cùng C và S1 đã đưa ra các thông tin không đúng sự thật trên để lôi kéo 14 người dân gồm: Phạm Thị C2, Phan Văn B1, Huỳnh Thị M, Nguyễn Thanh P2, Lại Văn T2, Lại Văn C3, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Hữu H2, Lại Thanh S2, Lê Thị Mỹ L, Nguyễn Thị T4, Lại Thị Út E, Lại Thanh L1 và Nguyễn Hoàng V đến gặp C và S1 tại thành phố V, tỉnh Hậu Giang để C và S1 dẫn họ đến gặp S2 và P1 làm hồ sơ vay tiền của công ty T10. Cụ thể:

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, S2 hướng dẫn làm hợp đồng cho ông Nguyễn Hữu H2 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 30.490.000 đồng.

Ngày 04 tháng 12 năm 2021, S2 hướng dẫn làm hợp đồng cho: Bà Phạm Thị C2 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 24.090.000 đồng; ông Phan Văn B1 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 24.340.000 đồng; ông Nguyễn Thanh P2 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 31.490.000 đồng; ông Lại Văn T2 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 31.490.000 đồng; ông Lại Văn C3 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 36.490.000 đồng; ông Lại Thanh S2 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 29.830.000 đồng; bà Lê Thị Mỹ L đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 31.490.000 đồng; bà Nguyễn Thị T4 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.791.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là L2 có giá 21.990.000 đồng; bà Lại Thị Út E đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 31.490.000 đồng; ông Lại Thanh L1 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 17.091.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là L2 có giá 18.990.000 đồng.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, S2 hướng dẫn làm hợp đồng cho: Bà Huỳnh Thị M đứng tên vay của công ty T10 số tiền 18.810.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là tivi có giá 20.900.000 đồng; bà Nguyễn Ngọc T3 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 30.490.000 đồng; ông Nguyễn Hoàng V đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 30.490.000 đồng.

Đối với hồ sơ vay ông Nguyễn Hữu H2 và ông Lại Văn C3 đứng tên, P1 hỗ trợ giúp S2 ghi thông tin của ông H2 và sau khi hồ sơ ông H2 được duyệt, P1 trực tiếp đưa cho ông H2 số tiền 7.000.000 đồng, cho ông C3 số tiền 7.000.000 đồng.

Sau khi nhận sản phẩm, S2 trả tiền cho người dân sau khi đã trừ tiền sim (200.000 đồng), cụ thể: Đưa cho ông L1 6.000.000 đồng, bà C2 6.500.000 đồng, bà Út E 7.800.000 đồng, ông H2, ông B1, ông P2, ông T2, ông C3, ông S2, bà L, bà T4, bà M, bà T3 và ông V mỗi người 6.800.000 đồng. Sau đó, S2 thanh toán hoa hồng cho C, S1 và C1 mỗi người 1.000.000 đồng cho mỗi hợp đồng được duyệt và lấy các mặt hàng điện tử, di động trên bán ra thị trường, mỗi sản phẩm S2 hưởng lợi khoảng 2.500.000 đồng đến 2.700.000 đồng sau khi đã trừ hết các khoản chi phí.

Như vậy, hành vi của Đặng Văn S, Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1, Nguyễn Tân C1 và Phan Hồng P1 đã chiếm đoạt của Công ty T10 là 275.582.000 đồng. Trong đó: Cù, S1 và C1 giúp sức cho S chiếm đoạt 275.582.000 đồng; P1 giúp sức cho S chiếm đoạt 39.980.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị B: Tương tự như C, C1 và S1, để nhận được tiền môi giới từ S nên từ ngày 25 tháng 11 năm 2021 đến ngày 30 tháng 12 năm 2021 B đã đưa ra các thông tin không đúng sự thật lôi kéo 09 người dân gồm: Nguyễn Thị B, Trần Thị K, Lê Văn Ú, Nguyễn Văn T5, Võ Thanh V1, Nguyễn Thị T6, Trịnh Thanh T7, Võ Thị L3 và Nguyễn Thị T8 đến gặp S và P1 để làm hồ sơ vay tiền của công ty T10 và HOME CREDIT. Cụ thể:

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, S hướng dẫn làm hợp đồng cho ông Nguyễn Văn T5 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.985.000 đồng để trả góp cho 02 sản phẩm là tivi có tổng giá trị 24.285.000 đồng;

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, S hướng dẫn làm hợp đồng cho bà Trịnh Thanh T7 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 22.490.000 đồng;

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, S hướng dẫn làm hợp đồng cho bà Nguyễn Thị T8 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.826.000 đồng để trả góp cho 02 sản phẩm là máy lạnh có tổng giá trị 22.030.000 đồng;

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, S hướng dẫn làm hợp đồng cho bà Võ Thị L3 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 25.990.000 đồng;

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, S hướng dẫn làm hợp đồng cho ông Võ Thanh V1 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 25.990.000 đồng;

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, S hướng dẫn làm hợp đồng cho: Bà Nguyễn Thị B đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.985.000 đồng để trả góp cho 02 sản phẩm là điện thoại di động có tổng giá trị là 24.485.000 đồng; bà Nguyễn Thị T6 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.485.000 đồng để trả góp cho 02 sản phẩm là điện thoại di động có tổng giá trị là 22.485.000 đồng; bà Trần Thị K đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.980.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động và tai nghe có tổng giá trị là 22.280.000 đồng.

Ngoài việc đưa khách đến S dẫn đến các cửa hàng điện máy làm hợp đồng mua hàng trả góp sau đó bán để tiền chia nhau. Cũng bằng thủ đoạn trên, trong ngày 31 tháng 12 năm 2021, B còn đưa ông Lê Văn Ú đến cửa hàng thế giới di động cho S hướng dẫn đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.985.000 đồng để mua 02 sản phẩm là điện thoại di động có tổng giá trị là 22.485.000 đồng và làm thêm một hợp đồng vay của Công ty T10 CREDIT số tiền mặt là 7.133.000 đồng.

Đối với hồ sơ vay Võ Thị L3 và Nguyễn Thị T8 đứng tên, Phan Hồng P1 hỗ trợ giúp S đưa số tiền 6.000.000 đồng cho L3 và trực tiếp đưa số tiền 2.500.000 đồng cho T8 để trả trước.

Sau khi nhận sản phẩm, S đưa cho: Ông T5 7.000.000 đồng, bà T7 3.000.000 đồng, bà T8 6.000.000 đồng, bà L3 7.000.000 đồng, ông V1 6.000.000 đồng, bà B 5.000.000 đồng, bà T6 5.000.000 đồng, bà K 5.000.000

đồng, ông U 5.000.000 đồng. Sau đó, S lấy các mặt hàng điện tử, di động trên bán ra thị trường, mỗi sản phẩm S hưởng lợi khoảng 2.500.000 đồng đến 2.700.000 đồng sau khi đã trừ hết các khoản chi phí.

Như vậy, hành vi của Đặng Văn S, Nguyễn Thị B và Phan Hồng P1 đã chiếm đoạt của Công ty T10 và Công ty T10 số tiền là 186.349.000 đồng (Trong đó: Công ty T10 là 179.216.000 đồng, Công ty T10 là 7.133.000 đồng), trong đó P1 giúp sức cho S chiếm đoạt 39.816.000 đồng.

Quá trình điều tra còn chứng minh được, ngoài việc tiếp nhận hướng dẫn những người dân do C, C1, S1 và B dẫn đến, Đặng Văn S còn trực tiếp cung cấp các thông tin sai sự thật như đã nêu trên để lôi kéo, dẫn dắt 07 người dân gồm: Huỳnh Khánh L4, Lưu Văn P3, Nguyễn Thị N, Trần Văn Dũng T9, Thị Út H3, Danh Thị Ngọc H4 và Nguyễn Thanh C đến gặp S để làm hồ sơ vay tiền của công ty T10. Cụ thể:

Ngày 10 tháng 7 năm 2021, S hướng dẫn làm hợp đồng cho ông Huỳnh Khánh L4 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.985.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 30.990.000 đồng;

Ngày 13 tháng 10 năm 2021, S hướng dẫn làm hợp đồng cho bà Nguyễn Thị N đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 35.990.000 đồng;

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, hướng dẫn làm hợp đồng cho bà Thị Út H3 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 18.891.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 20.990.000 đồng;

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, hướng dẫn làm hợp đồng cho ông Trần Văn D Tư đứng tên vay của công ty T10 số tiền 18.890.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 20.990.000 đồng;

Ngày 23 tháng 10 năm 2021, hướng dẫn làm hợp đồng cho bà Danh Thị Ngọc H4 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 18.891.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 20.990.000 đồng;

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, hướng dẫn làm hợp đồng cho ông Lưu Văn P3 đứng tên vay của công ty T10 số tiền 19.990.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 34.990.000 đồng;

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, hướng dẫn làm hợp đồng cho Nguyễn Thanh C đứng tên vay của công ty T10 số tiền 16.191.000 đồng để trả góp cho sản phẩm là điện thoại di động có giá 17.990.000 đồng.

Đối với hồ sơ vay bà Danh Thị Ngọc H4 đứng tên, Phan Hồng P1 đã hỗ trợ giúp S dẫn bà H4 đi qua Điện máy xanh, đóng tiền trả trước, lấy sản phẩm là điện thoại di động từ bà H4 giao lại cho S; hồ sơ vay của bà Thị Út H3 đứng tên, P1 hỗ trợ giúp S gắn 02 sim điện thoại (02 số điện thoại tham chiếu của 02 người thân) vào cho bà H3.

Sau khi nhận sản phẩm, S đưa cho: ông L4 6.000.000 đồng, bà N 6.000.000 đồng, bà H3 6.000.000 đồng, ông T9 6.000.000 đồng, bà H4 6.000.000 đồng, ông P3 6.000.000 đồng, Nguyễn Thanh C 8.000.000 đồng. Sau đó, S bán sản phẩm mua hàng trả góp ra thị trường, mỗi sản phẩm hưởng lợi khoảng 2.500.000 đồng đến 2.700.000 đồng.

Như vậy, Hành vi của Đặng Văn S và Phan Hồng P1 đã chiếm đoạt của Công ty T10 số tiền là 132.833.000 đồng, trong đó P1 giúp sức cho S chiếm đoạt 37.782.000 đồng.

Đến hạn thanh toán, các Công ty tài chính đến nhà đòi và được Cơ quan điều tra Công an tỉnh H thông báo, biết mình bị lừa nên một số người dân trình báo vụ việc để được cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Quá trình điều tra, tất cả những người đứng tên trên các hợp đồng vay tiền mua hàng trả góp đều khai nhận: Thời điểm ký kết hợp đồng bản thân không biết đang làm thủ tục vay mua hàng trả góp, chỉ biết cung cấp giấy tờ tùy thân để nhận tiền, không cần trả lại. Do đó, khi nghe S thông tin như vậy thì cung cấp các thông tin cá nhân cho S và nhân viên của Công ty T10.

Tổng số tiền trong vụ án, Đặng Văn S, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Tân C1, Huỳnh S1 và Phan Hồng P1 đã chiếm đoạt của các Công ty T10 và Công ty T10 là 594.764.000 đồng (Công ty T10 587.631.000 đồng, Công ty T10 CREDIT 7.133.000 đồng), trong đó: Đặng Văn S trực tiếp hướng dẫn, làm tất cả hồ vay trả góp, cùng đồng phạm chiếm đoạt số tiền là 594.764.000 đồng; Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1 và Nguyễn Tân C1 giúp sức cho S chiếm đoạt số tiền là 275.582.000 đồng; Phan Hồng P1 giúp sức cho S chiếm đoạt số tiền là 117.578.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị B: Quá trình điều tra, xác định B không có mặt tại địa phương từ khoảng tháng 06 năm 2022 đến nay nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối với Nguyễn Thị B và tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm có:

- 69 (Sáu mươi chín) sim điện thoại mạng Vietnamobile đã qua sử dụng;
- 43 (Bốn mươi ba) sim mạng Vietnamobile còn gắn trong thẻ đựng sim;
- 53 (Năm mươi ba) thẻ đựng sim mạng Vietnamobile;
- 02 (Hai) sim điện thoại mạng Mobifone đã qua sử dụng;
- 10 (Mười) sim mạng Mobifone còn gắn trong thẻ đựng sim;
- 13 (Mười ba) thẻ đựng sim mạng Mobifone;
- 02 (Hai) thẻ đựng sim mạng Viettel;
- 01 (Một) thẻ đựng sim mạng Vinaphone;
- 08 (T) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen và màu xanh loại bàn phím đã qua sử dụng có số IMEI lần lượt: 354276110774252;

352377076329107; 358414107372725; 352377076530704; 352377076383625; 352377076390448; 358414107422322 gắn 02 sim điện thoại; 352377076625280;

- 01 (Một) thẻ ngân hàng M1 số: 9704262555322937; (Một) thẻ ngân hàng V2 số: 4198349939521709; 01 (Một) thẻ ngân hàng A số: 9704050821393365; 03 (Ba) thẻ ngân hàng M2 số: 9704222018380816; 4848030229967471; 3564188845436455; 02 (Hai) thẻ ngân hàng V3 số: 9704608878976955; 9704608872384656; 01 (Một) thẻ ngân hàng V4 số: 9704268616930788010; 01 (Một) thẻ ngân hàng S4 số: 4221510676159950; 01 (Một) thẻ ngân hàng S5 số: 9704431014952045 tất cả đều tên “Dang Van S3” và 01 (Một) thẻ tín dụng tên “Dang Van Sang” số 4839460015793834 thuộc Công ty L5;

- 01 (Một) thẻ ngân hàng S6 tên “Nguyen Phuoc Thuan” số 4536180062442509; 01 (Một) thẻ ngân hàng T11 số 0974237770561858; 01 (Một) Thẻ ngân hàng O số 9704237770561858 tên “Phan Hong P4”; 01 (Một) thẻ ngân hàng V4 số: 9704366613311612919 tên “Huynh Thao Nhi”; 02 (Hai) thẻ ngân hàng T11 số: 9704237771942818 và 9704237774814451; 01 (Một) thẻ ngân hàng V5 số: 9704151520742207 tên “Nguyen Van Tanh”;

- 83 (Tám mươi ba) giấy ghi thông tin người vay tiền, có chữ ký xác nhận của Đặng Văn S;

- 06 (Sáu) quyển tập học sinh có chữ ký xác nhận của Đặng Văn S;

- 01 (Một) Cuốn sổ tay màu đen hiệu Personal có chữ ký xác nhận của Đặng Văn S;

- 71 (Bảy mươi mốt) giấy đăng ký sử dụng dịch vụ có chữ ký xác nhận của Đặng Văn S;

- 220 (Hai trăm hai mươi) phiếu thông tin khách hàng có chữ ký xác nhận của Đặng Văn S;

- 13 (Mười ba) giấy đề nghị vay vốn của ngân hàng T11 và 01 (Một) Đơn yêu cầu cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ có chữ ký xác nhận của Đặng Văn S;

- 43 (Bốn mươi ba) giấy cam kết có chữ ký xác nhận của Đặng Văn S;

- 03 (Ba) thẻ nhân viên tên Đặng Văn S;

- 01 (Một) con dấu màu đỏ, loại dấu hộp, có in chữ “Đặng Văn S 0989755603 Hỗ trợ vay vốn ngân hàng”;

- 02 (Hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DD165630 và DD165631 tên Đặng Văn S, Phan Hồng P1 (Bản gốc);

- 01 (Một) biên nhận thu tiền; 01 (Một) giấy nạp tiền vào tài khoản; 01 (Một) giấy vận đơn số EV916833633VN; 01 (Một) mảnh giấy màu vàng; 01

(Một) giấy thông tin trả góp; 01 (Một) biên nhận tất cả có chữ ký xác nhận của Đặng Văn S;

- 01 (Một) túi xách da màu đen có dây đeo;

- 02 (Hai) cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng;

- 01 (Một) xe ô tô biển kiểm soát: 95A-085.76. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-HĐĐGTS ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự tỉnh Hậu Giang kết luận: 01 xe ô tô hiệu FORD-MONDEO màu đen, biển số xe 95A – 085.76 đã qua sử dụng. Tại thời điểm định giá tháng 10 năm 2022 trị giá 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Toàn bộ vật chứng đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang, theo Quyết định chuyển vật chứng số 27/QĐ-VKSHG-P1 ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 12/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Văn S, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Tân C1, Huỳnh S1 và Phan Hồng P1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 17, Điều 38, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đặng Văn S.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 17, Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1 và Nguyễn Tân C1.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 17, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Hồng P1.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đặng Văn S 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 28 tháng 6 năm 2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tân C1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh S1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 6 năm 2022 đến ngày 18 tháng 01 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh C 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 6 năm 2022 đến ngày 01 tháng 9 năm 2022.

Xử phạt bị cáo Phan Hồng P1 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/12/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng; án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tân C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ hồ sơ vụ án, vai trò của bị cáo, động cơ, mục đích, hành vi, hậu quả,...để làm cơ sở phán xét đúng người, đúng tội và đem lại sự công bằng cho bị cáo.

Ngày 25/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang nhận được đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh C và bị cáo Huỳnh S1 đều kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc xác định bị hại trong vụ án từ đó xác định số tiền chiếm đoạt theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, bản thân bị cáo thấy rằng bị cáo không dùng thông tin gian dối để lừa công ty tài chính và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1, Nguyễn Tân C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì đã khắc phục xong toàn bộ thiệt hại, gia cảnh rất khó khăn, là lao động chính; bị cáo C1 có vợ đang mắc bệnh ung thư, con bị bại liệt, gia đình có công với cách mạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: các bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1, Nguyễn Tân C1 là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đặng Văn S lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bị cáo biết rõ thông tin sai sự thật nhưng vẫn nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã khắc phục hậu quả, có nhân thân tốt, cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1, Nguyễn Tân C1 được thực hiện trong thời hạn luật định nên được chấp nhận và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Các bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét lại tư cách tố tụng của người bị hại trong vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc các bị cáo S và đồng phạm đưa ra thông tin gian dối với những người dân nhằm lợi dụng họ để lừa dối các Công ty T10 và Công ty T10 tin tưởng việc những người dân này xác lập hồ sơ là thật và tự nguyện và xác lập hồ sơ cho vay để các bị cáo chiếm đoạt. Hậu quả là các Công ty T10 và Công ty T10 thiệt hại số tiền đã cho vay bị các bị cáo chiếm đoạt nên không thể đòi nợ những người dân đứng tên hồ sơ vay do giao dịch dân sự này vô hiệu do bị lừa dối bởi người thứ ba, những người dân này không trực tiếp ký kết hợp đồng mà do bị cáo S lập; số tiền những người dân này được nhận từ các bị cáo là số tiền được lợi không có căn cứ pháp luật nên các bị cáo có quyền yêu cầu những người dân này trả lại số tiền đã nhận; đối với các cửa hàng Điện máy xanh và Thế giới di động đã thu đủ tiền bán sản phẩm (bao gồm số tiền do các bị cáo ứng trả trước và tiền của các Công ty T10 và Công ty T10 cho vay trả góp) nên không có thiệt hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các Công ty T10 và Công ty T10 là bị hại trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, quan điểm của các bị cáo cho rằng bị hại trong vụ án là những người dân đứng tên hợp đồng là không phù hợp với nhận định trên nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1, Nguyễn Tân C1 khai nhận toàn bộ hành vi, sự việc phạm tội như bản cáo trạng, bản án sơ thẩm nêu. Cụ thể: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2021, các bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người dân, sự thiếu chặt chẽ trong việc làm hồ sơ bán hàng cho vay trả góp của các Công ty T10 và Công ty T10 như: Người mua chỉ cần cung cấp Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, sổ hộ khẩu, bằng lái xe và số điện thoại của người thân, sau đó đến chụp ảnh chân dung là có thể làm hồ sơ vay tiền mua hàng trả góp; người vay không phải ký vào bất kỳ giấy tờ gì, nhân viên bán hàng trả góp thường không kiểm tra các thông tin cá nhân của khách hàng; khi mua khách hàng chỉ phải trả trước 20% - 30% giá trị sản phẩm. Bằng thủ đoạn trên các bị cáo tìm người đứng tên vay tiền trả góp mua điện thoại, máy điều hòa, tủ lạnh và laptop tại các cửa hàng Điện máy xanh và Thế giới di động, các bị cáo tự bỏ tiền ra trả trước tiền mua hàng trả góp tương ứng với 30% đến 40% giá trị sản phẩm và cho mỗi người dân từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Sau đó các bị cáo lấy sản phẩm mua trả góp bán ra ngoài thị trường lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Trong đó: Bị cáo S là người trực tiếp hướng dẫn làm hồ sơ mua hàng trả góp, dẫn dắt người dân đến các cửa hàng Điện máy xanh và Thế giới di động làm thủ tục mua sản phẩm; trực tiếp lấy sản phẩm mua trả góp bán ra ngoài thị trường và chia lợi bất chính cho các bị cáo khác; các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Tân C1 và Huỳnh S1 giúp sức cho bị cáo S bằng việc tìm kiếm người dân và dẫn dắt

họ đến gặp bị cáo S làm thủ tục lập hồ sơ mua hàng trả góp để được bị cáo S chi tiền hoa hồng với mỗi hồ sơ là 1.000.000 đồng; bị cáo Phan Hồng P1 giúp sức cho bị cáo S bằng việc hỗ trợ S ghi thông tin một số hồ sơ vay tiền mua hàng trả góp và chi tiền cho một số người dân. Các bị cáo đã hướng dẫn lập 30 hồ sơ vay tiền mua hàng trả góp, chiếm đoạt số tiền tổng cộng là 594.764.000 đồng (Chiếm đoạt của Công ty T10 CREDIT 587.631.000 đồng, chiếm đoạt của Công ty T10 7.133.000 đồng). Trong đó: bị cáo Đặng Văn S đã cùng đồng phạm chiếm đoạt số tiền là 594.764.000 đồng; các bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1 và Nguyễn Tân C1 đã giúp sức cho S dẫn dắt người dân đến cho S lập 14 hồ sơ vay tiền trả góp để chiếm đoạt số tiền là 275.582.000 đồng; bị cáo Phan Hồng P1 đã giúp sức cho bị cáo S lập hồ sơ vay tiền mua hàng trả góp 06 hồ sơ để chiếm đoạt số tiền là 117.578.000 đồng.

[2.2] Hành vi của các bị cáo Đặng Văn S và các đồng phạm là rất nguy hiểm cho xã hội, đã dùng các thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của các Công ty T10 và Công ty T10 tổng số tiền 594.764.000đ thông qua những người dân vay trả góp mua sản phẩm điện máy, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các Công ty T10 và Công ty T10 và gây bất bình trong xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo Nguyễn Tân C1, Huỳnh S1, Nguyễn Thanh C đã thực hiện các hành vi đưa ra thông tin gian dối để lôi kéo người dân đến gặp bị cáo S lập hồ sơ vay tiền mua hàng trả góp, để được lợi là tiền hoa hồng từ bị cáo S thông qua 14 hồ sơ vay chiếm đoạt số tiền 275.582.000đồng nên cấp sơ thẩm truy tố, xét xử, quy kết các bị cáo với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo S cùng về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[2.3] Đối với bị cáo Đặng Văn S và Phan Hồng P1 không có kháng cáo, kháng nghị liên quan và quyết định của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Các bị cáo Nguyễn Tân C1, Huỳnh S1, Nguyễn Thanh C phạm tội theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù “từ 07 năm đến 15 tù” Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục được một phần hậu quả; gia đình các bị cáo có công với nước được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt: bị cáo C1 04 năm 06 tháng tù, bị cáo S1 và C mỗi bị cáo 04 năm tù. Hội đồng xét xử thấy rằng, xét tính chất mức độ hành vi

phạm tội của các bị cáo trong vụ án phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1, Nguyễn Tân C1 phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo S bằng việc tìm kiếm người dân và dẫn dắt họ đến gặp bị cáo S để được bị cáo S chi tiền hoa hồng mỗi hồ sơ là 1.000.000đồng, mỗi bị cáo được hưởng lợi 14.000.000đồng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt trong đó bị cáo C1 04 năm 06 tháng tù, bị cáo S1 và C mỗi bị cáo 04 năm tù, là có căn cứ. Tuy nhiên, mức hình phạt trên đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc, bởi lẽ các bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo S, hưởng lợi bất chính là số tiền “hoa hồng” mỗi bị cáo 14.000.000đồng và tại cấp phúc thẩm các bị cáo cung cấp thêm các chứng cứ mới là các biên lai nộp toàn bộ số tiền phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại: bị cáo C nộp 30.930.330đồng, bị cáo S1 nộp 17.930.330đồng, bị cáo C1 nộp 31.930.330đồng; bị cáo C1 cung cấp giấy xác nhận bản thân được tặng thưởng giấy khen của Ủy ban nhân dân xã V A về thành tích xuất sắc trong công tác Giao thông thủy lợi năm 2013, bản thân là Phó trưởng ấp 10 nhiệm kỳ 2015-2018, giấy xác nhận gia cảnh rất khó khăn vợ bệnh ung thư đang điều trị, 01 con là người tàn tật nặng không có khả năng lao động đang hưởng trợ cấp xã hội, bản thân là lao động chính trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo do các bị cáo phạm tội nhiều lần, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3] Với các nhận định trên là cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1, Nguyễn Tân C1; không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc bác kháng cáo của các bị cáo; sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1, Nguyễn Tân C1, sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt.

1.1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh C, Nguyễn Tân C1, Huỳnh Sai phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.2. Về điều luật áp dụng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 17, Điều 38, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1 và Nguyễn Tân C1.

1.3. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tân C1: 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh S1: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 6 năm 2022 đến ngày 18 tháng 01 năm 2023.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh C: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 6 năm 2022 đến ngày 01 tháng 9 năm 2022.

2. Tiếp tục tạm giữ số tiền Nguyễn Tân C1 đã nộp: 31.930.330đồng theo biên lai số 0000152 ngày 04 tháng 3 năm 2024; Huỳnh S1 đã nộp: 17.930.330đồng và 200.000đồng theo biên lai số 0000038, 0000037 ngày 09 tháng 01 năm 2024; Nguyễn Thanh C đã nộp: 30.930.330đồng và 1.746.500đồng theo biên lai số 0000155 và 0000154 ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang để đảm bảo việc thi hành án.

3. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Các bị cáo Nguyễn Thanh C, Huỳnh S1, Nguyễn Tân C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Công an tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam Công an tỉnh Hậu Giang;
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu HSVA, VTLT (TVN-24b).

Nguyễn Văn Minh